
Giới Bồ Tát – 46 Giới Nhẹ

Bồ tát giới ngoài 18 giới nặng còn 46 giới nhẹ, chia thành 7 cụm, là những việc gây trở ngại cho mỗi hạnh trong Sáu hạnh ba la mật [Thí Giới Nhẫn Tấn Định Tuệ] và cho tâm địa vị tha, lợi lạc chúng sinh.

46 giới này cần tránh tối đa. Tuy vậy, nếu lỡ phạm, dù hội đủ **bốn năng lực phá giới**, giới vẫn chưa bị phá hủy. Tuy vậy, ít phạm giới nhẹ thì đường tu sẽ thuận tiện hơn. Nếu lỡ phạm, cần sám hối và áp dụng **bốn năng lực sám hối**, tương tự như khi phạm giới căn bản.

46 giới phụ này có nhiều ngoại lệ. Nhìn chung yếu tố quan trọng nhất là động cơ hành động. Nếu phạm giới vì dửng dưng, biếng nhác hay đễnh đoảng, kết quả tuy tệ nhưng không tệ bằng phạm vì bị phiền não [tham sân si mạn] tác động. Lại có nhiều giới tuy phạm vì phiền não tác động, nhưng nếu quyết tâm sửa đổi thì cũng không phải là phạm giới.

[Xin đọc thêm về giới bồ tát, bốn năng lực phá giới và bốn năng lực sám hối trong **Giới Bồ Tát - 18 Giới Nhẹ**.]



Bảy việc tạo trở ngại cho hạnh Thí ba la mật:

Thí ba la mật (*sbyin-pa*, Skt. *dana*) là thái độ tự nguyện muốn san sẻ. Hạnh này bao gồm (a) san sẻ tiền tài [tài thí], (b) san sẻ Phật pháp [Pháp thí], và (c) san sẻ sự không sợ hãi [vô úy thí].

Muốn hạnh Thí được toàn vẹn, cần tránh những việc làm sau đây:

2 việc liên quan đến tài thí cần tránh:

(1) *không cúng dường Tam bảo qua ba cửa Thân Miệng Ý.*

vì kém vui, biếng nhác, đứng đưng mà không dùng thân, miệng và ý cúng dường Phật Pháp Tăng mỗi ngày sáu lần. Tối thiểu là lạy với thân, tán dương với miệng, và nhớ nghĩ về tánh đức của Tam bảo.

(2) *chạy theo thỏa mãn giác quan.*

vì tham, thiếu thiếu tục hỉ tức, để tâm đuổi theo khoái cảm như hình đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon vân vân.

2 việc liên quan đến vô úy thí cần tránh

(3) *Không kính nhường người trên*

vì kiêu ngạo, sân hận, khinh mạn, biếng nhác, đứng đưng hay lơ đễnh, để người lớn hơn mình trong hoàn cảnh khó khăn, không thể tự xoay trở.

(4) *Không trả lời người có thắc mắc*

vì kiêu ngạo, giận dữ, ác ý, biếng nhác, đứng đưng hay lơ đễnh, làm lơ không trả lời cho câu hỏi chân thành, để người hỏi trong trạng thái băn khoăn và hoang man, không biết hướng về đâu.

2 việc liên quan đến hạnh thí của người khác cần tránh:

(5) *từ chối không nhận lời mời của người khác*

vì kiêu ngạo, giận dữ, ác ý, biếng nhác, hay đứng đưng, không nhận lời mời thọ thực của người khác để họ mất cơ hội thu thập công đức.

(6) *từ chối không nhận phẩm cúng dường*

vì kiêu ngạo, giận dữ, ác ý, biếng nhác, hay đứng đưng, không nhận phẩm cúng dường của người khác để họ mất cơ hội thu thập công đức.

1 việc liên quan đến Pháp thí cần tránh:

(7) *vì sân si, không san sẻ Phật Pháp cho người khác*

- Giới căn bản thứ hai: không san sẻ vì tham lam keo bần
- Giới nhẹ thứ bảy: không san sẻ là vì giận dữ, mê muội, sợ người hơn mình, làm biếng hay đứng đưng.

Chín việc tạo trở ngại cho hạnh Giới ba la mật

Giới ba la mật (*tshul-khrims*, Skt. *shila*) là tự chế, không để mình làm những việc ác, đồng thời làm hết những việc lành.

Trong 9 việc gây trở ngại hạnh Giới, có bốn việc liên quan đến người khác, ba việc liên quan đến chính mình, và 2 việc liên quan đến cả hai.

Bốn việc liên quan đến hoàn cảnh của người khác, cần tránh:

(8) *bỏ bê người phạm giới*

vì giận dữ, ác ý, làm biếng, dửng dưng, hay lơ đãng, làm ngơ bỏ bê khinh rẻ người phạm giới.

(9) *không giữ uy nghi giới hạnh, khiến người khác mất lòng tin nơi Phật pháp.*

vì xem thường giới pháp của Phật, vì thiếu tự chế, hay biếng nhác, làm những việc kém uy nghi, khiến người khác nhìn vào mất lòng tin nơi Phật pháp.

(10) *vì cố chấp giữ giới, bỏ quên lợi ích của người khác.*

nếu cố chấp vào giới nhẹ nên bỏ qua không làm việc lợi lạc cho người khác thì phạm giới này.

(11) *vì lòng từ bi, cần phạm trọng nghiệp để cứu người mà không chịu phạm.*

Trong trường hợp khẩn thiết, không còn cách nào khác hơn là phạm bảy điều bất thiện liên quan đến thân và miệng để cứu người mà không chịu phạm. Bảy việc bất thiện là (a) sát sinh, (b) không cho mà lấy, (c) tà dâm, (d) nói lời dối trá, (e) nói lời chia rẽ, (f) nói lời thô ác, (g) nói lời vô ích. Làm những việc này không vì tham sân si, ý thức rõ về nhân quả, tình nguyện gánh quả địa ngục để cứu giúp người khác. Được vậy hạnh Giới sẽ không bị trở ngại.

Ba việc liên quan đến hoàn cảnh của chính mình, cần tránh:

(12) *sinh sống bằng nghề bất thiện*

là những nghề đòi hỏi phải (a) dối trá; (b) dùng lời gạt gẫm người (c) đe dọa, tống tiền, khiến người khác mang mặc cảm tội lỗi; (d) gán tội cho người để thu tiền phạt và (e) đút lót để được lợi lớn hơn.

(13) *sôi nổi say đắm với điều vô bổ*

vì thiếu tâm ít muốn biết đủ, vì buồn chán, kích động, ham vui, chạy theo những thú vui vô bổ. Làm như vậy khiến tâm tán loạn, phóng dật, hại đến hạnh Giới.

(14) không thấy giải thoát luân hồi là cần thiết

Giới căn bản thứ mười tám: không còn muốn giúp đỡ toàn thể chúng sanh. Giới nhẹ thứ mười bốn ở đây: vẫn muốn giúp chúng sinh, nhưng hiểu sai lời khế kinh nói về lời nguyện ở lại luân hồi không thành Phật của bồ tát, cho rằng luân hồi không cần giải thoát, phiền não không cần đoạn diệt.

Hai việc liên quan đến chính mình và người, cần tránh:**(15) không chịu tránh hành vi gây tiếng lời thị phi**

Làm những việc khiến người khác mất tin tưởng, sanh tâm dị nghị.

(16) không khuyên ngăn hành vi sai trái của người bị phiền não tác động

là người có quyền trong gia đình, sở làm, trường học, chùa chiền, nếu có người gây rối loạn cho không khí sinh hoạt chung mà mình vì thiên vị hay vì muốn mua chuộc tình cảm không chịu trách phạt, ngăn chặn hành động sai quấy của người ấy, làm như vậy sẽ phạm giới này.

Bốn việc tạo trở ngại cho hạnh Nhẫn ba la mật

Nhẫn ba la mật (*bzod-pa*, Skt. *kshanti*) là nhẫn nại (a) với người gây hại cho mình, (b) với khó khăn trên đường tu, và (c) với khổ đau của chính mình. Tu Nhẫn ba la mật cần tránh bốn việc làm sau đây:

(17) bỏ qua bốn pháp tu tích cực

bốn pháp tu tích cực là không chống trả (a) khi bị người mắng chửi; (b) khi thành mục tiêu cho người trút cơn giận dữ (c) khi bị đánh đập (d) khi bị sỉ nhục. Không giữ bốn pháp tu này sẽ làm tổn hại hạnh nhẫn.

(18) không cố gắng làm nguôi cơn giận của người vì mình mà nổi giận

vì kiêu ngạo, ác ý, ganh ghét, biếng nhác, dửng dưng hay bất cần, để người khác kết tụ hờn giận, không cố gắng giải tỏa dùm người.

(19) không nguôi giận dù người xin lỗi.

Giới căn bản thứ ba: không nguôi giận khi người xin lỗi lúc việc đang xảy ra. Giới nhẹ thứ mười chín: xin lỗi khi việc đã xảy ra, cơn giận đã kết tụ lại trong lòng.

(20) nuôi tâm giận dữ, không chịu cố gắng buông thả cơn giận.

Ba việc tạo trở ngại cho hạnh Tấn ba la mật

Tấn ba la mật, hay là Tinh tấn ba la mật (*bṛtson-grus*, Skt. *vīrya*), là tinh tấn vui vẻ làm tất cả những việc lành. Tu Tinh tấn ba la mật cần tránh ba việc làm sau đây:

(21) tìm người theo mình vì muốn được tôn kính

Tìm bạn, đệ tử, hay bạn đời để được thương yêu, chăm sóc, quý trọng. Làm như vậy sẽ làm tổn hại tâm nguyện sống vì người khác.

(22) ngồi không.

vì biếng nhác, dừng dừng, trì trệ, kém vui, không hứng thú làm việc mà nằm nhiều, nghỉ nhiều, không làm việc. Tự nuông chiều quá đáng sẽ làm hại đến hạnh Tinh tấn.

(23) vì ham vui, phí thì giờ cho việc đọc sách giải trí, xem phim ảnh.

Theo đuổi những việc vô bổ sẽ làm hại đến hạnh Tinh Tấn.

Ba việc tạo trở ngại cho hạnh Định ba la mật

Định ba la mật (*bsam-gtan*, Skt. *dhyana*) là trạng thái tâm thức quân bình, không bị phiền não, kích động [trạo cử], hay trì trệ [hôn trầm] làm chao động. Tu Định ba la mật cần tránh ba việc làm sau đây:

(24) không truy tìm phương pháp tu để đạt Định

vì kiêu ngạo, ác ý, biếng nhác hay dừng dừng, không tìm tòi học hỏi về phương pháp tu định (*ting-nge-'dzin*, Skt. *samadhi*), như vậy đương nhiên sẽ làm tổn hại hạnh Định.

(25) không từ bỏ những chướng ngại làm cản trở Định

Có năm điều ngăn ngại thành tựu về Định, đó là (a) thả lỏng giác quan, (b) nuôi ác ý, (c) tâm mờ mịt trì trệ, (d) tâm kích động hay hối tiếc, (e) tâm nghi hoặc. Dung túng và không cố gắng triệt bỏ năm chướng ngại này sẽ làm trở ngại hạnh Định. Nếu cố gắng nhưng chưa triệt bỏ được thì không phạm giới.

(26) lấy hỉ lạc của Định làm mục đích tu hành chính

Khi tu định tâm sẽ từ từ lắng xuống, kinh nghiệm về hỉ lạc sẽ càng lúc càng tăng. Tham đắm trạng thái hỉ lạc này, xem đó là mục tiêu chính của công phu tu Định là phạm giới này.

Tám việc tạo trở ngại cho hạnh Tuệ ba la mật

Tuệ ba la mật (*shes-rab*, Skt. *prajna*) là phần tâm thức có khả năng phân biệt rõ điều gì đúng điều gì sai, điều gì nên làm điều gì nên tránh, vân vân. Tu Tuệ ba la mật, cần tránh tám việc làm sau đây:

(27) *chê bai Thanh văn thừa*

- Giới bồ tát căn bản thứ 6: cho rằng Thanh văn thừa không phải lời Phật dạy.
- Giới bồ tát căn bản thứ 14: công nhận Thanh văn thừa là chánh pháp, nhưng lại cho Thanh văn thừa không có hiệu quả, không thể dứt tham ái.
- Giới bồ tát căn bản thứ 13: nói với người nhận giới Ba la đề mộc xoa rằng giới này không cần cho bồ tát, khiến người bỏ giới.
- Giới nhẹ thứ 27 ở đây: nghĩ hay nói với người khác rằng bồ tát cần tu theo cũng không cần biết về pháp tu của Thanh văn thừa, nhất là về phần giới luật Ba la đề mộc xoa. Dù không ai làm theo cũng vẫn phạm giới này.

(28) *tôn nhiều công sức tu theo Thanh văn thừa, bỏ quên Bồ tát thừa*

Đệ tử nhận Bồ tát giới tu học theo thanh văn thừa đồng thời phải tu học theo bồ tát thừa.

(29) *tôn nhiều công sức để tu học ngoại điển*

Ngoại điển là môn học không phải Phật pháp, như toán, khoa học, tâm lý học, triết học, hay như học Hán văn, Phạn văn, Tạng văn. Tuy cần học ngoại điển, nhưng phải dành thì giờ để học hỏi và tu hành theo Đại thừa.

(30) *hãnh diện về khả năng tu học ngoại điển của mình*

Ngoại điển không thể giúp giải thoát luân hồi, chỉ có thể trợ giúp đường hành đạo. Nếu không phân biệt chính phụ, xem trọng ngoại điển quá đáng sẽ làm hại hạnh Tuệ.

(31) *từ bỏ Đại thừa*

- Giới bồ tát căn bản thứ 6: cho rằng Đại thừa không phải lời Phật dạy.
- Giới nhẹ thứ 31 ở đây: công nhận Đại thừa là chánh pháp, nhưng chỉ trích một vài phần trong Đại thừa, nhất là phần nói về những công hạnh phi thường của bồ tát và về phần tánh Không vi diệu ngoài tầm nghĩ bàn.

(32) *khen mình, chê người*

- Giới căn bản thứ nhất: khen mình chê người vì ham muốn danh lợi thế gian, hay vì ganh ghét

- Giới nhẹ thứ 32 ở đây: khen mình chê người vì kiêu hãnh, tự cao, hay giận dữ, thấy mình cao hơn người.

(33) không đến với Phật Pháp

- Giới căn bản thứ 2: không giảng Pháp vì tham lam hay keo lẩn.
- Giới nhẹ thứ 33 ở đây: không nhận lời thuyết pháp, làm lễ, hay dự lễ, nghe pháp, vì kiêu ngạo, giận dữ, ác ý, biếng nhác hay dửng dưng.

(34) căn cứ trên lời nói của vị đạo sư để chê bai phỉ báng.

Nếu lời giảng đúng đắn, nhưng ngôn ngữ vụng về, không hoàn chỉnh, dựa vào đó để chê bai phỉ báng thầy, sẽ khiến tuệ giác mình bị ngăn ngại.

Mười hai việc tạo trở ngại cho tâm địa vị tha

(35) không giúp người đang cần sự giúp đỡ

vì giận dữ, ác ý, biếng nhác, dửng dưng, không giúp tám loại người cần được giúp đỡ vì (a) đang cần lấy quyết định, (b) đang xa nhà, (c) đang học ngôn ngữ chúng ta biết, (d) đang làm việc không trái với Phật Pháp, (e) đang giữ nhà, chùa, hay tài sản, (f) đang ngăn cản trận tranh cãi, ẩu đả, (g) đang cử hành lễ lạc, (h) đang làm việc từ thiện.

(36) không chăm sóc người bệnh

vì giận dữ, ác ý, biếng nhác hay dửng dưng.

(37) không giúp cho người voi nhẹ khổ đau

vì giận dữ, ác ý, biếng nhác hay dửng dưng, không giúp người trong khó khăn cần đặc biệt quan tâm. Có bảy loại người gặp khó khăn đặc biệt, đó là (a) người mù, (b) người điếc, (c) người thiếu hụt tứ chi, (d) khách phương xa mệt mỏi, (e) người bị xáo trộn vì năm chướng ngại của Định, (f) người nhiều ác ý, định kiến, (g) người sa cơ lỡ vận.

(38) không tùy căn cơ giáo hóa kẻ khó giáo hóa

Kẻ khó giáo hóa (bag-meg) là người không tin nhân quả, vì vậy việc làm thường mang lại khổ đau cho đời sau. Nói thẳng với họ điều họ không tin, sẽ không ích lợi gì. Cần phải tùy vào sở thích căn cơ để dần dần giáo hóa.

(39) được người giúp đỡ mà không giúp trả

Nếu không có khả năng giúp trả, hay người kia không muốn được giúp trả, thì không phạm giới.

(40) không làm voi nhẹ nổi khổ tâm của người khác

vì ác ý, biếng nhác, hay dửng dưng, không thông cảm, an ủi người khổ tâm vì mất người thân, tiền bạc của cải.

(41) không san sẻ cho người cần được san sẻ

vì giận dữ, ác ý, biếng nhác hay dửng dưng. Nếu vì tham lẫn thì phạm giới căn bản.

(42) không quan tâm đến nhu cầu của người thân quanh mình

vì ác ý, biếng nhác, dửng dưng, không giúp người thân gần như bạn bè, gia đình thân quyến, đồng nghiệp, đệ tử. Không giúp được người thân gần thì làm sao có thể giúp toàn thể chúng sinh?

(43) không tùy thuận sở thích chúng sinh

vì ác ý, biếng nhác, dửng dưng, không tôn trọng và chịu theo sở thích của người khác là phạm giới này, nếu sở thích của người khác không gây hại cho ai.

(44) không khen ngợi tài năng đức hạnh của người khác

vì giận dữ, ác ý, biếng nhác hay dửng dưng, không khen ngợi khuyến khích người khác.

(45) không trách phạt khi cần thiết

vì làm biếng, dửng dưng, hay thiếu quan tâm.

(46) không chịu thi triển thần thông khi cần thiết

trong một số trường hợp đặc biệt, thi triển thần thông có thể giúp được người khác. Nếu có khả năng nhưng không chịu làm, sẽ làm tổn hại tâm nguyện vị tha.



Alexander Berzin. The Secondary Bodhisattva Vows, August 1997, available at http://www.berzinarchives.com/vows/secondary_bodhisattva_pledges.html

Hồng Như lược dịch tháng 03 năm 2004

Mọi sai sót là của người dịch, mọi công đức xin hồi hướng pháp giới chúng sinh
